

NHẬN DIỆN THỰC TRẠNG VỐN XÃ HỘI TRONG CÁC HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Trung Đông, Lê Hữu Quang*, Khúc Hoàng Giang, Lưu Nguyễn Trung

Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn

*Email: lequang@prd.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/6/2024; Ngày chấp nhận đăng: 04/10/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm nhận diện thực trạng vốn xã hội trong các hợp tác xã thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long để khai thác, sử dụng vốn xã hội vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã. Dữ liệu được thu thập qua việc điều tra, phỏng vấn tại 24 hợp tác xã thủy sản và số liệu từ các cơ quan quản lý chuyên ngành. Điều tra, khảo sát tại 96 hộ thành viên và 24 lãnh đạo hợp tác xã về các tiêu chí đo lường vốn xã hội trong hợp tác xã. Kết quả: Mức độ giao lưu, tiếp xúc giữa các thành viên chỉ ở mức bình thường; Có 67% thành viên cảm thấy tin tưởng vào mức độ khả thi của mục tiêu và lợi ích của hợp tác xã và 66% cho rằng mức độ minh bạch của hợp tác xã chỉ ở mức bình thường. Có 63% thành viên cam kết tuân thủ các quy định của hợp tác xã. Mức độ tham gia các hoạt động đời sống khác rất thấp. Để tăng cường khai thác, sử dụng vốn xã hội cần cải thiện, phát triển các hoạt động giao lưu tiếp xúc giữa các thành viên, giữa hợp tác xã với các đơn vị bên ngoài, tăng cường sự tham gia, tuân thủ của thành viên để từ đó củng cố và phát huy vốn xã hội trong các hợp tác xã.

Từ khóa: Hợp tác xã, vốn xã hội, lợi ích, hợp tác xã thủy sản, khai thác vốn xã hội.

1. GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống của người dân. Theo Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [1], tính đến tháng 6 năm 2024, vùng ĐBSCL đã có 2.774 HTX nông nghiệp và 21 Liên hiệp HTX nông nghiệp, chiếm 13% tổng số HTX nông nghiệp trên cả nước. Đây là vùng có tỷ lệ HTX tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm cho thành viên cao nhất cả nước, với trung bình mỗi tỉnh có 194 HTX. Riêng lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (tôm, cá) có 327 HTX, chiếm 13,5% tổng số HTX nông nghiệp của vùng. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của các HTX trong khu vực này vẫn chưa cao so với tiềm năng vốn có, với nhiều HTX hoạt động quy mô nhỏ lẻ, hạn chế về vốn, tài sản và trình độ quản lý. Việc thiếu hụt cán bộ kỹ thuật và cán bộ có trình độ cũng làm hạn chế khả năng khai thác và sử dụng các nguồn lực, bao gồm cả vốn xã hội, một yếu tố ngày càng được coi là quan trọng trong sự phát triển của HTX.

Vốn xã hội, hiểu một cách đơn giản, là các mối quan hệ xã hội, sự tin cậy và hợp tác giữa các cá nhân hoặc tổ chức, giúp giảm thiểu chi phí giao dịch và thúc đẩy các hoạt động kinh tế. Nhiều nghiên cứu trước đây đã nhấn mạnh vai trò của vốn xã hội trong việc phát triển kinh tế và xã hội. Fukuyama [2] đã chỉ ra rằng vốn xã hội có thể góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Fukuyama [3] trong nghiên cứu tiếp theo về “Vốn xã hội, xã hội dân sự và phát triển” cũng khẳng định rằng vốn xã hội thúc đẩy sự hợp tác giữa các cá nhân, từ đó giảm thiểu chi phí giao dịch và tăng cường hiệu quả trong các hoạt động kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh HTX, vốn xã hội có vai trò quan trọng không chỉ trong việc tạo ra sự tin cậy và hợp tác giữa các thành viên mà còn giúp HTX thích ứng tốt hơn với những biến động của thị trường và khủng hoảng kinh tế.

Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về vốn xã hội, vẫn còn những khoảng trống trong việc nhận diện và đo lường thực trạng vốn xã hội trong các HTX nông nghiệp, đặc biệt là tại khu vực ĐBSCL. Hiện tại, có rất ít nghiên cứu cụ thể về cách mà các HTX ở đây khai thác và sử dụng vốn xã hội để nâng cao hiệu quả hoạt động, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Thực tế cho thấy, nhiều HTX trong khu vực

vẫn hoạt động theo hình thức tự phát, thiếu sự đồng thuận và gắn kết giữa các thành viên, dẫn đến hiệu quả hoạt động kém và không tạo ra được lợi ích bền vững cho thành viên.

Nghiên cứu của Deng & cộng sự [4] đã chỉ ra rằng vốn xã hội có xu hướng suy giảm trong suốt vòng đời của các HTX nông nghiệp, đặc biệt là khi các HTX không chú trọng duy trì và phát triển các mối quan hệ tin cậy giữa các thành viên. Tương tự, nghiên cứu của Omerzo & Kristo [5] về vốn xã hội trong các HTX tài chính tại Croatia cũng nhấn mạnh rằng các HTX tín dụng, một loại hình HTX phổ biến ở nhiều quốc gia, phụ thuộc rất nhiều vào vốn xã hội. Tuy nhiên, ở Croatia, vốn xã hội ở cả khía cạnh “cầu nối với các tác nhân bên ngoài” và “liên kết các thành viên bên trong” đều ở mức thấp, dẫn đến sự kém phát triển của các HTX này.

Akahoshi & Binotto [6] trong nghiên cứu của mình cũng cho rằng, vốn xã hội có thể được tích lũy thông qua các mối quan hệ xã hội bên trong và bên ngoài HTX. Những yếu tố như sự tin cậy, hợp tác và các chuẩn mực không chính thức là cơ sở để tích lũy vốn xã hội và quyết định sự thành công của HTX. Tương tự, Majee & Hoyt [7] đã chỉ ra rằng việc xây dựng lòng tin giữa các thành viên HTX dựa trên bốn trụ cột chính: tôn trọng quyền sở hữu chung, quy trình ra quyết định dân chủ, làm việc nhóm và giao tiếp cởi mở. Những yếu tố này không chỉ giúp tăng cường sự tham gia của thành viên vào các hoạt động của HTX mà còn góp phần vào việc duy trì và phát triển vốn xã hội trong dài hạn.

Đối với vùng ĐBSCL, vốn xã hội có vai trò quan trọng trong việc cải thiện hiệu quả hoạt động của HTX. Việc đo lường và nhận diện thực trạng vốn xã hội trong các HTX sẽ giúp các nhà quản lý và các bên liên quan hiểu rõ hơn về mức độ và chất lượng của vốn xã hội, từ đó đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng vốn xã hội vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của HTX. Các nghiên cứu của Bijman & Hanisch [8], Valentinov [9] và Henselmann & cộng sự [10] đều khẳng định rằng vốn xã hội giúp HTX nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo thu nhập ổn định cho thành viên, đặc biệt là trong các giai đoạn khủng hoảng kinh tế. Việc tận dụng vốn xã hội không chỉ giúp HTX tối ưu hóa chi phí sản xuất và nâng cao giá trị sản phẩm mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển bền vững và cạnh tranh hiệu quả trên thị trường.

Do đó, việc nghiên cứu về vốn xã hội trong các HTX nông nghiệp vùng ĐBSCL là cần thiết và có tính cấp bách. Nghiên cứu này không chỉ cung cấp cái nhìn tổng quan về thực trạng vốn xã hội trong các HTX mà còn mở ra những hướng đi mới trong việc khai thác và phát huy vốn xã hội như một nguồn lực quan trọng, cùng với vốn tài chính và vật chất, để nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX. Đồng thời, nghiên cứu cũng giúp đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng thu nhập và đời sống của các thành viên HTX, từ đó góp phần vào sự phát triển bền vững của nông nghiệp và nông thôn vùng ĐBSCL trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua các cuộc điều tra và phỏng vấn tại các HTX Thủy sản trên địa bàn 6 tỉnh đại diện cho 03 tiểu vùng của ĐBSCL (tiểu vùng phía Tây giáp Campuchia; tiểu vùng giữa; tiểu vùng phía Đông giáp biển Đông) và là các tỉnh có tiềm năng khai thác, sử dụng vốn xã hội (VXH) vào các hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, theo các tiêu chí trên, các tỉnh được lựa chọn bao gồm: Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, và Tiền Giang. Nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các Chi Cục Phát triển Nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của các tỉnh có HTX được nghiên cứu.

Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua khảo sát 96 hộ thành viên HTX, với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, giúp đảm bảo đại diện cho các thành viên trong các HTX được nghiên cứu. Bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế kỹ lưỡng để đo lường các tiêu chí chính liên quan đến vốn xã hội trong HTX.

Đồng thời, dữ liệu định tính được thu thập qua 31 cuộc phỏng vấn sâu với giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị của các HTX. Phương pháp phỏng vấn sâu cho phép nghiên cứu khai thác những quan điểm, kinh nghiệm và đánh giá chi tiết từ các lãnh đạo HTX theo khung câu hỏi gợi ý sẵn từ các nội dung cần thu thập.

Trên cơ sở tổng quan tài liệu, nghiên cứu tổng hợp lý thuyết, các tiêu chí đo lường vốn xã hội trong HTX được xác định bao gồm:

- Tiêu chí về mạng lưới và mối quan hệ: Đánh giá mức độ giao lưu, tiếp xúc giữa các thành viên HTX; mức độ tương tác, hợp tác; và mức độ gắn bó, đoàn kết giữa các thành viên.

- Tiêu chí về sự tin tưởng và niềm tin: Đánh giá mức độ tin tưởng vào mục tiêu và lợi ích của HTX; mức độ tin tưởng vào khả năng điều hành của HTX; và sự trung thực, minh bạch của các thành viên.
- Tiêu chí về các chuẩn mực: Đánh giá mức độ tuân thủ các chuẩn mực về hành vi và tổ chức của các thành viên HTX.
- Tiêu chí về sự tham gia và cam kết: Đánh giá mức độ tham gia quản lý, tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của các thành viên HTX.

Việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu này giúp đảm bảo rằng các kết luận được đưa ra dựa trên dữ liệu đáng tin cậy và đa chiều, phản ánh đúng thực trạng và tiềm năng của vốn xã hội trong các HTX trồng trọt tại khu vực ĐBSCL.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý thô, loại bỏ các số lạc, tổng hợp số liệu bằng phần mềm excel và sử dụng phần mềm SPSS 23.0 để thống kê mô tả, phân tích dữ liệu thu thập được đối với dữ liệu định lượng. Đối với dữ liệu định tính, nhóm tác giả tiến hành xử lý thô và tập hợp thành bộ dữ liệu, sau đó trích dẫn từ các bảng số liệu tinh để dẫn giải, so sánh, phân tích.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Mức độ hiểu biết của thành viên về vốn xã hội

Kết quả điều tra cho thấy, mặc dù đã có những hiểu biết nhất định, nhưng phần lớn thành viên chưa thực sự nhận thức được hết giá trị của vốn xã hội. Thậm chí có đến 21/96 thành viên được khảo sát không biết về vốn xã hội. Trung bình chỉ có từ 10-20% thành viên nhận biết được một vài giá trị riêng lẻ của vốn xã hội. Chỉ có 11/96 thành viên được hỏi nhận thức được trọn vẹn các đáp án về giá trị của vốn xã hội. Điều hình như khi khảo sát tại HTX Dân Phát (Cà Mau), cả Ban quản trị và các thành viên khi được hỏi đều trả lời chưa từng nghe về vốn xã hội, họ chỉ nhận diện ra các giá trị của vốn xã hội sau khi được giới thiệu về vốn xã hội và vai trò của nó với hoạt động của HTX. Việc hiểu rõ và tận dụng vốn xã hội có thể mang lại nhiều lợi ích cho các thành viên và HTX, bao gồm sự hỗ trợ lẫn nhau, hợp tác hiệu quả và phát triển bền vững. Do đó, nâng cao hiểu biết về vốn xã hội là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển HTX và cải thiện đời sống của các thành viên. Với một số lượng đáng kể thành viên không biết về vốn xã hội hoặc chỉ hiểu một phần, cần có thêm các chương trình giáo dục và thông tin để nâng cao nhận thức và hiểu biết của các thành viên về vốn xã hội. Điều này có thể giúp họ tận dụng tốt hơn các mối quan hệ và nguồn lực xã hội để phát triển HTX.

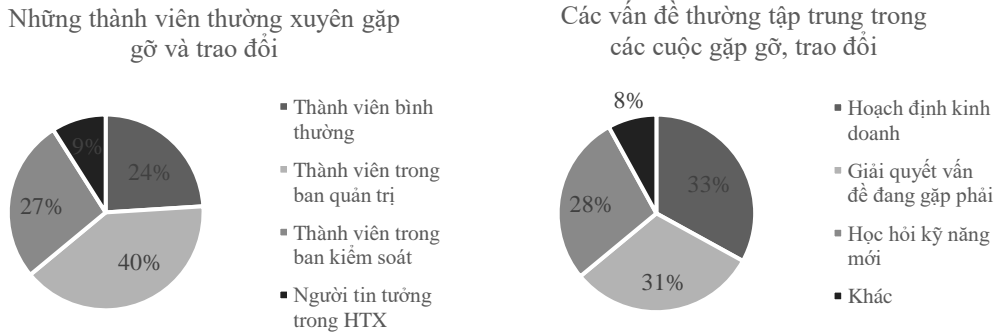


Hình 1. Hiểu biết của thành viên về vốn xã hội của HTX

3.2. Mạng lưới và mối quan hệ

Kết quả khảo sát về đối tượng mà các thành viên thường xuyên gặp gỡ và trao đổi cho thấy sự đa dạng trong tương tác, phản ánh cấu trúc quản lý và vận hành của HTX: Có tỷ lệ cao nhất là thành viên gặp gỡ thành viên Ban quản trị (40%), thể hiện vai trò chủ chốt trong việc điều hành, ra quyết định và là đầu mối giao tiếp chính của HTX. Tiếp đến là các thành viên Ban kiểm soát với 27%. Việc tương tác thường xuyên với các thành viên khác, đảm bảo hoạt động giám sát, kiểm tra được thực hiện hiệu quả,

minh bạch. Đối với các thành viên bình thường là 24%. Gần một phần tư các cuộc gặp gỡ, trao đổi diễn ra giữa các thành viên bình thường, cho thấy sự tham gia tích cực vào các hoạt động chung của HTX. Có tỷ lệ thấp nhất là việc gặp gỡ Người tin tưởng trong HTX (9%). Mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ nhất, nhưng vẫn có vai trò nhất định trong việc tham gia ý kiến, đóng góp vào các quyết định quan trọng của HTX. Thông tin từ HTX Thanh Bình (Sóc Trăng) cho thấy, các thành viên khi có vấn đề liên quan đến việc sản xuất, kinh doanh của mình thường gặp và trao đổi với Ban quản trị là chính, giữa các thành viên với thành viên HTX chỉ dừng lại ở việc gặp gỡ thông thường, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, các vấn đề khác trong đời sống. Việc gặp gỡ, trao đổi và đóng góp ý kiến này chủ yếu diễn ra ở các cuộc họp của HTX, ngoài ra việc chủ động gặp gỡ trao đổi của các thành viên rất hạn chế.



Hình 2. Đối tượng và nội dung các cuộc gặp gỡ giữa các thành viên trong HTX

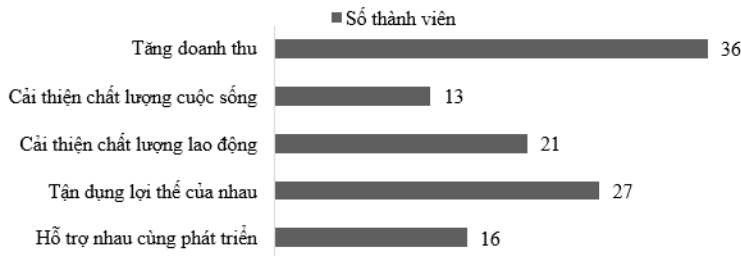
Nhìn chung, Hình 2 cho thấy sự phân bố tương đối đồng đều giữa các nhóm đối tượng, ngoại trừ Ban quản trị có tỷ lệ nổi trội hơn. Điều này cho thấy sự vận hành dân chủ, sự tham gia của các thành viên vào các hoạt động của HTX, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo của Ban quản trị trong việc định hướng và điều hành HTX.

Khảo sát về các vấn đề được thảo luận trong các cuộc họp của HTX thủy sản cho thấy thành viên tập trung chủ yếu vào hoạch định kinh doanh (33%), giải quyết khó khăn trong sản xuất, kinh doanh (31%), và nâng cao kỹ năng (28%). Điều này phản ánh sự chủ động trong quản lý, thích ứng với thách thức và chú trọng nâng cao năng lực của HTX. Tuy nhiên, một trở ngại lớn đối với HTX là năng lực quản lý còn hạn chế. Theo Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, chỉ 16% cán bộ quản lý HTX nông nghiệp có trình độ cao đẳng, đại học, trong khi 51% chưa qua đào tạo. Minh chứng rõ ràng là HTX Thủy sản Hưng Phú (Sóc Trăng), dù đã đạt được thành công nhất định nhưng vẫn gặp khó khăn do đội ngũ quản lý thiếu chuyên môn.

Bên cạnh sản xuất kinh doanh, HTX còn hướng đến xây dựng quan hệ hợp tác và phát triển bền vững. Khảo sát cho thấy 37% thành viên có thể nhận diện trên 20 người trong HTX, trong khi 63% nhận diện dưới 20 người, cho thấy mức độ kết nối giữa các thành viên còn hạn chế. Việc thúc đẩy giao lưu, văn hóa nội bộ là cần thiết để tăng cường VXH.

Về hợp tác nội bộ, 52% thành viên có trên 2 hoạt động hợp tác, thể hiện tinh thần hợp tác mạnh mẽ, trong khi 48% còn lại có ít hoặc không tham gia. Cần có biện pháp khuyến khích nhóm này để gia tăng sự gắn kết và phát triển chung của HTX.

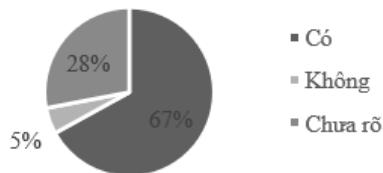
Hoạt động hợp tác không chỉ nhằm tăng doanh thu mà còn cải thiện chất lượng lao động, nâng cao kỹ năng và tạo môi trường hỗ trợ lẫn nhau. Khi tận dụng tốt lợi thế của từng thành viên, HTX sẽ phát triển vững chắc hơn. Sự tham gia tích cực của thành viên, với sự hỗ trợ từ chính quyền và tổ chức liên quan, đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động HTX. Ví dụ, HTX Dịch vụ Nông nghiệp Hòa Phát (An Giang) đã cải thiện đáng kể quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm nhờ sự tham gia chủ động của các thành viên.



Hình 3. Mục tiêu chính của những hoạt động hợp tác

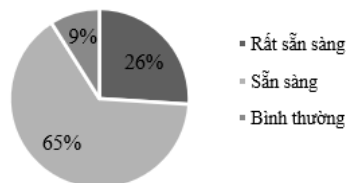
3.3. Sự tin tưởng, niềm tin

Mức độ tin tưởng vào mục tiêu và lợi ích của HTX: Kết quả điều tra thể hiện ở biểu đồ dưới cho thấy: Hơn 67% thành viên tin tưởng vào mục tiêu và lợi ích của HTX, điều này thể hiện sự tin tưởng của phần lớn các thành viên vào HTX. Sự lạc quan này không chỉ là một dấu hiệu của sự tin tưởng mà còn là một nguồn động viên mạnh mẽ cho ban quản lý HTX để tiếp tục theo đuổi và hiện thực hóa những kế hoạch đã định. Tuy nhiên, cũng có 28% thành viên vẫn đang ở trong tình trạng lưỡng lự, không chắc chắn về việc liệu những mục tiêu đó có thực sự khả thi hay không. Điều này có thể phản ánh một nhu cầu cấp thiết cho việc tăng cường thông tin, tuyên truyền và minh bạch hóa các quy trình. Chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ (5%), không tin tưởng vào khả năng đạt được mục tiêu của HTX. Đây có thể là kết quả của những thất bại trước đây, hoặc có thể là do sự thiếu thông tin, thiếu hiểu biết về những gì HTX đang nỗ lực thực hiện. Đối với nhóm này, việc tạo dựng lại niềm tin có thể sẽ cần đến những hành động cụ thể và rõ ràng hơn, những chứng minh thực tế về sự tiến triển và thành công. Những chương trình đào tạo và hội thảo đã được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức cho các thành viên HTX về vai trò, trách nhiệm và lợi ích khi tham gia vào HTX. Nhờ đó, sự tin tưởng và tuân thủ các chuẩn mực, quy định trong HTX đã được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ tham gia và đóng góp ý kiến của các thành viên cũng tăng lên, thể hiện sự gắn kết trong nội bộ HTX. Ví dụ, tỷ lệ tham gia cuộc họp và đóng góp ý kiến tại HTX Bình Hòa (Đồng Tháp) tăng 25% sau khi áp dụng các biện pháp cải tiến quy trình sản xuất và dịch vụ.



Hình 4. Đánh giá mức độ khả thi của mục tiêu và lợi ích của HTX

Mức độ sẵn sàng hợp tác, chia sẻ thông tin, kiến thức, nguồn lực giữa các thành viên: Mức độ sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, kiến thức, nguồn lực giữa các thành viên trong một HTX có ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng và phát triển vốn xã hội. Ví dụ, tại HTX Hiệp Phát (Sóc Trăng), với số lượng thành viên lớn trong lĩnh vực thủy sản, các thành viên có thể chia sẻ các kỹ thuật nuôi trồng, kinh nghiệm quản lý dịch bệnh và kiến thức về thị trường tiêu thụ. Chính nhờ sự chia sẻ này, HTX đã tăng cường hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro, đồng thời xây dựng được một cộng đồng mạnh mẽ, nơi vốn xã hội được phát huy tối đa.



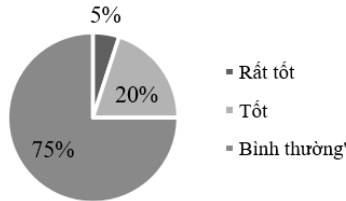
Hình 5. Mức độ sẵn sàng hợp tác, chia sẻ thông tin, kiến thức, nguồn lực giữa các thành viên

Kết quả ghi nhận thể hiện ở biểu đồ trên cho thấy: Có 65% thành viên được hỏi “sẵn sàng”, đây là tỷ lệ lớn nhất, cho thấy đa số thành viên tích cực trong việc hợp tác và chia sẻ. Có 26% thành viên

“rất sẵn sàng”, phản ánh một tỷ lệ đáng kể các thành viên có thái độ hợp tác rất tốt. Chỉ có 9% thành viên có mức độ sẵn sàng hợp tác ở mức bình thường.

3.4. Các chuẩn mực

Mức độ tuân thủ các quy định và quy chế của HTX có ảnh hưởng đáng kể đến việc xây dựng và phát triển vốn xã hội. Việc tuân thủ các quy định và quy chế không chỉ là yếu tố cần thiết để đảm bảo hoạt động của HTX diễn ra suôn sẻ mà còn là cơ sở quan trọng để xây dựng vốn xã hội, tạo dựng một cộng đồng kinh tế mạnh mẽ và đoàn kết.



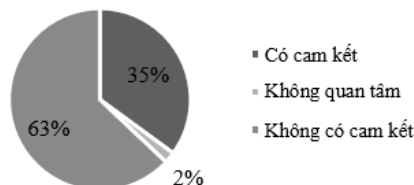
Hình 6. Đánh giá mức độ tuân thủ các giá trị, nguyên tắc của HTX

Qua quá trình khảo sát, tỷ lệ thành viên xem việc tuân thủ các giá trị, nguyên tắc của HTX chỉ ở mức bình thường chiếm tới 75%, đây là một tỷ lệ rất cao, điều này thể hiện một phần đông thành viên chưa coi trọng những giá trị cốt lõi, nguyên tắc cơ bản của HTX, có thể do các thành viên chưa được phổ biến các giá trị, nguyên tắc hoặc khả năng truyền đạt của ban quản trị HTX chưa được tốt dẫn tới việc xem nhẹ những giá trị, nguyên tắc cốt lõi của HTX.

Đánh giá mức độ dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động của HTX, kết quả điều tra khảo sát cho thấy: Các HTX có hoạt động minh bạch và dân chủ thường có khả năng phát triển bền vững hơn, góp phần vào sự phát triển của VXH cả trong và ngoài tổ chức. Một tỷ lệ cao các hoạt động của HTX được cho rằng chưa rõ hoặc chưa minh bạch và công khai, với 66% thành viên nhận định. Điều này phản ánh thành viên chưa thật sự tin tưởng vào hoạt động của HTX, HTX chưa đạt được mức độ minh bạch mong muốn, do vậy cần được chú trọng để cải thiện, nhằm đảm bảo sự công bằng và rõ ràng trong mọi quyết định và giao dịch. Điển hình như HTX Hòa Phát (Cà Mau) với quy chế rõ ràng về cách phân phối lợi nhuận đã giúp các thành viên hiểu rõ và đồng thuận về cách thức chia sẻ thành quả, từ đó giảm thiểu sự bất mãn và xây dựng lòng tin giữa các thành viên.

3.5. Sự tham gia, cam kết

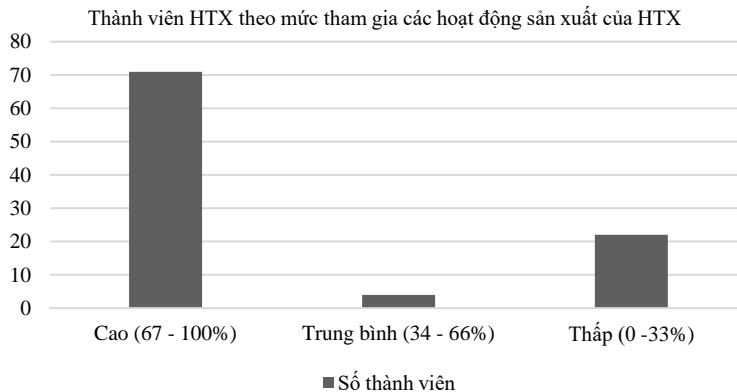
Đánh giá mức độ cam kết thực hiện các quy định chung của HTX thủy sản dựa trên khảo sát cho thấy: Nhóm "Không có cam kết" (63%), phần lớn các thành viên HTX chưa thể hiện sự cam kết rõ ràng trong việc thực hiện các quy định chung. Điều này có thể do nhiều nguyên nhân như thiếu nhận thức về tầm quan trọng của các quy định, chưa hiểu rõ nội dung quy định, hoặc chưa thấy được lợi ích trực tiếp từ việc tuân thủ. Tình trạng này cần được quan tâm và giải quyết để đảm bảo sự đồng thuận và hiệu quả hoạt động của HTX. Nhóm "Có cam kết" (35%), nhóm này thể hiện sự cam kết rõ ràng trong việc thực hiện các quy định chung. Đây là những thành viên có ý thức trách nhiệm cao, hiểu rõ vai trò và lợi ích của việc tuân thủ quy định đối với sự phát triển của HTX. Sự cam kết này là yếu tố quan trọng để xây dựng một môi trường hoạt động lành mạnh và bền vững cho HTX. Nhóm "Không quan tâm" (2%): nhóm này thể hiện sự thờ ơ hoặc không quan tâm đến các quy định chung của HTX. Mặc dù tỷ lệ này không đáng kể, nhưng vẫn cần được lưu ý và có biện pháp nhắc nhở, giáo dục để nâng cao ý thức tuân thủ của các thành viên này.



Hình 7. Tỷ lệ thành viên có cam kết thực hiện các quy định chung của HTX

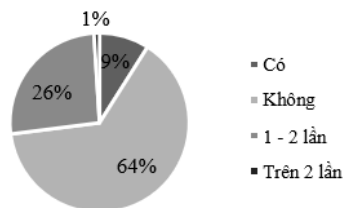
Khảo sát các thành viên về việc tham gia vào quá trình ra quyết định và quản lý của HTX thủy sản cho thấy, có 58% cho rằng họ “Có cơ hội tham gia”, điều này cho thấy một môi trường làm việc dân chủ và sự tham gia rộng rãi từ các thành viên. Các thành viên “Không có cơ hội tham gia” (42%), một tỷ lệ đáng kể các thành viên cảm thấy họ không có cơ hội tham gia, phản ánh sự thiếu thông tin hoặc sự không rõ ràng trong quy trình quản lý và điều này cần được HTX chú ý để cải thiện sự tham gia và đóng góp của các thành viên.

Đánh giá mức độ tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành viên thông qua việc điều tra, khảo sát từ HTX và thành viên cho thấy: Kết quả điều tra được ghi nhận chia ra 3 nhóm như sau: Tham gia ở mức Thấp (0%-33%), trong các HTX trồng trọt được khảo sát, có 22 thành viên thuộc nhóm này. Tỷ lệ tham gia thấp có thể do nhiều lý do như thiếu nguồn lực, thiếu sự quan tâm từ các thành viên, hoặc các khó khăn nội tại của HTX. Ở mức tham gia Trung bình (34%-66%), chỉ có 4 thành viên. Tỷ lệ tham gia trung bình cho thấy sự tham gia của thành viên chưa đều, có thể cần cải thiện cơ chế quản lý và sự hấp dẫn của các hoạt động sản xuất. Tham gia ở mức Cao (67%-100%), chiếm đa số lên tới 71 thành viên. Đây là nhóm có số lượng thành viên cao nhất, cho thấy các HTX này có tỷ lệ tham gia rất cao từ các thành viên. Điều này phản ánh sự gắn kết và cam kết cao của các thành viên đối với hoạt động của HTX. Theo báo cáo của Học Viện Nông nghiệp thống kê trong thời gian qua cho thấy số lượng thành viên trung bình của một HTX có xu hướng giảm dần: Ngược với xu hướng tăng số lượng HTX, số thành viên HTX năm 2021 giảm gần 1,87 triệu thành viên so với năm 2013. Năm 2021 trung bình một HTX có 176,2 thành viên, trong khi số thành viên trung bình một HTX năm 2001 là 478,6 thành viên. Điều này đang cho thấy HTX chưa thu hút được sự tham gia của nông dân.



Hình 8. Tỷ lệ thành viên trực tiếp tham gia các hoạt động sản xuất của HTX

Về mức độ tham gia các hoạt động khác của các thành viên qua khảo sát ghi nhận kết quả như sau: Tỷ lệ thành viên không tham gia bất kỳ hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội nào của HTX chiếm tới 64%, điều này thể hiện thái độ thờ ơ hững hờ với các hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội của HTX. Điều này cũng là một khoảng trống trong việc phát huy mạng lưới quan hệ cũng như tăng cường sự gắn kết, hợp tác giữa các thành viên.



Hình 9. Tỷ lệ thành viên tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội của HTX

Tổng thể, các HTX thủy sản ở ĐBSCL có một mạng lưới quan hệ mật thiết và sự gắn kết cộng đồng cao. Tuy nhiên, vẫn cần cải thiện về sự minh bạch, tuân thủ các giá trị nguyên tắc, và đặc biệt là sự cam kết và tham gia tích cực của các thành viên trong các hoạt động chung của HTX.

4. KẾT LUẬN

Với các kết quả nghiên cứu trình bày ở trên, có thể nhận định về thực trạng vốn xã hội trong các HTX thủy sản ở ĐBSCL như sau:

- Về mạng lưới và mối quan hệ: Mức độ giao lưu giữa các thành viên được đánh giá cao với phần lớn thành viên thường xuyên gặp gỡ Ban quản trị, là cơ hội để tương tác trao đổi giữa Ban quản trị và thành viên. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa các thành viên trong HTX lại khá nghèo nàn khi tỷ lệ các thành viên biết nhau khá thấp, khi có trên 50% các thành viên chỉ quen biết dưới 20 người trong HTX.

- Về sự tin tưởng, niềm tin: Phần lớn thành viên (67%) tin tưởng vào mục tiêu và lợi ích của HTX, cho thấy sự tin tưởng vững chắc vào sự phát triển và hoạt động của tổ chức. Đánh giá về sự trung thực và minh bạch trong các quyết định của HTX cho thấy vẫn còn tiềm năng để cải thiện. Phần lớn thành viên (66%) đánh giá mức độ minh bạch ở mức trung bình, cho thấy cần tăng cường nỗ lực để đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong các giao dịch.

- Về các chuẩn mực: Đa số thành viên đánh giá mức độ tuân thủ các giá trị và nguyên tắc ở mức độ trung bình, cho thấy còn tồn tại một số khó khăn trong việc thực hiện và duy trì các giá trị và nguyên tắc này trong hoạt động hàng ngày.

- Về sự tham gia, cam kết: Phần lớn thành viên (63%) chưa thể hiện sự cam kết rõ ràng trong việc thực hiện các quy định chung của HTX, cho thấy cần tăng cường các hoạt động tuyên truyền và giáo dục để nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ của các thành viên. Phần lớn các thành viên cảm thấy họ có cơ hội và quyền tham gia vào quá trình ra quyết định và quản lý của HTX, tuy nhiên sự chênh lệch không lớn (chỉ 5%) với một bộ phận thành viên chưa cảm thấy được trao quyền đầy đủ. Mức độ tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội còn rất thấp, cho thấy sự thiếu hụt trong việc thu hút và khuyến khích các thành viên tham gia vào các hoạt động cộng đồng.

Để nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng vốn xã hội trong các hoạt động của mình, các HTX cần chú trọng đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, kết nối giữa các thành viên HTX và các đối tác bên ngoài. Một giải pháp quan trọng là các HTX tăng cường tính công khai và minh bạch trong việc tuyên truyền, phổ biến các quy định, quyết định của HTX, nhằm nâng cao niềm tin của các thành viên vào hoạt động quản lý và điều hành HTX. Đồng thời, Ban quản trị HTX cần tiến hành công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao ý thức tuân thủ các quy chế hoạt động của HTX cho các thành viên. Việc khuyến khích và thu hút các thành viên tham gia vào các hoạt động cộng đồng địa phương cũng là một yếu tố không thể thiếu, giúp củng cố mối quan hệ xã hội và tạo ra sự gắn kết trong cộng đồng HTX.

Mặc dù đề tài đã giải quyết được cơ bản các mục tiêu đặt ra nhưng vẫn còn một số điểm hạn chế trong nghiên cứu hiện tại như chưa có sự triển khai thử nghiệm thực tiễn các giải pháp được đề xuất nhằm khai thác và sử dụng vốn xã hội vào hoạt động của HTX. Do đó, cần có các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo để đánh giá hiệu quả và tính khả thi của những giải pháp này trong điều kiện thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tóm tắt tình hình phát triển hợp tác xã, liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến tháng 6/2024. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2024).
2. Fukuyama F. - Social capital, civil society and development. *Third World Quarterly* **22** (1) (2001) 7-20. <http://www.jstor.org/stable/3993342>
3. Fukuyama F. - Social capital and development: The Coming Agenda. *SAIS Review* **22** (1) (2002) 23-37. <https://doi.org/10.1353/sais.2002.0009>
4. Deng W., Hendrikse G. & Liang Q. - Internal social capital and the life cycle of agricultural cooperatives. *Journal of Evolutionary Economics* **31** (2021) 301-323. <https://doi.org/10.1007/s00191-020-00690-8>
5. Omerzo I., Krišto J. - Financial cooperatives development in Croatia: Social capital perspective. In: Olgic Draženović B., Buterin V., Suljić Nikolaj S. (eds) *Real and financial sectors in post-pandemic Central and Eastern Europe. Contributions to Economics*. Springer, Cham. 2022, 87-108. https://doi.org/10.1007/978-3-030-99850-9_6

6. Akahoshi W. B., Binotto E. - Cooperatives and social capital: the Copasul case, Mato Grosso do Sul state. *Gestão & Produção* **23** (1) (2016) 104-117. <http://dx.doi.org/10.1590/0104-530X532-13>
7. Majee W., Hoyt A. - Are worker-owned cooperatives the brewing pots for social capital? *Community Development* **41** (4) (2010) 417-430. <https://doi.org/10.1080/15575330.2010.488741>
8. Bijman J., and Hanisch M. - Support for farmers' cooperatives; Developing a typology of cooperatives and producer organisations in the EU. Wageningen: Wageningen UR, 2012.
9. Valentinov, V., Iliopoulos, C. Social capital in cooperatives: an evolutionary Luhmannian perspective. *Journal of Evolutionary Economics* **31** (2021) 1317-1331. <https://doi.org/10.1007/s00191-021-00744-5>
10. Henselmann K., Ditter D., Lupp P. - The effects of the financial crisis on cooperative banks in Europe - A Critical Comparison, Working Papers in Accounting Valuation Auditing, No. 2016-1. Friedrich-Alexander-Universität Erlangen-Nürnberg, Lehrstuhl für Rechnungswesen und Prüfungswesen, Nürnberg, 2016.

ABSTRACT

IDENTIFYING THE CURRENT STATE OF SOCIAL CAPITAL IN FISHERIES COOPERATIVES IN THE MEKONG DELTA

Nguyễn Trung Đông, Lê Hữu Quang*, Khúc Hoàng Giang, Lưu Nguyễn Trung

Institute for Public Policy and Rural Development

*Email: lequang@prd.edu.vn

The study aims to assess the current state of social capital within fisheries cooperatives in the Mekong Delta to optimize its exploitation and utilization in cooperative production and business activities. Data were gathered through surveys and interviews conducted with 24 fisheries cooperatives, as well as from relevant management agencies. The investigation included surveys of 96 member households and 24 cooperative leaders, focusing on criteria used to measure social capital within the cooperatives. Key findings reveal that the level of communication and interaction among members is generally moderate. About 67% of members express confidence in the feasibility of the cooperative's goals and benefits, while 66% perceive the cooperative's level of transparency to be average. Additionally, 63% of members are committed to adhering to the cooperative's regulations. However, participation in non-work-related activities remains minimal. To enhance the effective exploitation and utilization of social capital, it is essential to strengthen communication activities among members, as well as between cooperatives and external organizations. Furthermore, increasing member participation and compliance is crucial for consolidating and promoting social capital within the cooperatives.

Keywords: Cooperative, social capital, benefits, fisheries cooperatives, social capital exploitation.